

Số: 1021/TB-CCTHADS

Tuy Đức, ngày 25 tháng 9 năm 2024.

## THÔNG BÁO

### về kết quả lựa chọn tổ chức đấu giá tài sản

Căn cứ Điều 101 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (được sửa đổi, bổ sung năm 2014; 2022);

Căn cứ khoản 4 Điều 56 Luật đấu giá tài sản năm 2016;

Căn cứ Quyết định số 1079/QĐ-TCTHADS ngày 25/12/2020 của Tổng cục trưởng Tổng cục thi hành án dân sự về việc ban hành quy trình lựa chọn tổ chức thẩm định giá, đấu giá tài sản để thi hành án;

Căn cứ Thông báo số 1001/TB-CCTHADS ngày 18 tháng 9 năm 2024 của Chấp hành viên Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tuy Đức, tỉnh Đắk Nông về việc lựa chọn tổ chức bán đấu giá tài sản;

Căn cứ Đơn đăng ký tham gia tổ chức đấu giá tài sản 19/9/2024 của Chi nhánh Công ty đấu giá hợp danh Dầu Khí Việt Nam tại tỉnh Đắk Nông, địa chỉ: 76A Lê Thánh Tông, phường Nghĩa Trung, Tp. Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông;

Căn cứ Công văn số 473/CV-DKVN ngày 19/9/2024 của Chi nhánh Công ty đấu giá hợp danh Dầu Khí Việt Nam tại tỉnh Đắk Nông, địa chỉ: 76A Lê Thánh Tông, phường Nghĩa Trung, Tp. Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông,

Căn cứ hồ sơ đăng ký tham gia đấu giá, hồ sơ giới thiệu năng lực và kết quả tham gia đấu giá tài sản thi hành án,

Hết thời hạn nộp hồ sơ đăng ký tham gia đấu giá tài sản, đã tiếp nhận 01 hồ sơ đăng ký tham gia đấu giá tài sản của Chi nhánh Công ty đấu giá hợp danh Dầu Khí Việt Nam tại tỉnh Đắk Nông.

Sau khi kiểm tra hồ sơ năng lực và các tiêu chí đánh giá, chấm điểm các tổ chức đấu giá tài sản quy định tại khoản 4 Điều 56 Luật đấu giá tài sản năm 2016 và khoản 1 Điều 11 Quy trình lựa chọn tổ chức thẩm định giá, đấu giá tài sản để thi hành án dân sự của Tổng cục thi hành án dân sự. Chấp hành viên Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tuy Đức, tỉnh Đắk Nông chọn Chi nhánh Công ty đấu giá hợp danh Dầu Khí Việt Nam tại tỉnh Đắk Nông để bán đấu giá tài sản là quyền sử dụng đất thuộc Thửa đất số: 573, tờ bản đồ số: 35; địa chỉ: thôn 6 (nay bon Bu Nđor A), xã Đăk R'tih, huyện Tuy Đức, diện tích 350,9m<sup>2</sup>, mục đích sử dụng: đất trồng cây lâu năm, thời hạn sử dụng: đến năm 2064, nguồn gốc sử dụng: công nhận quyền sử dụng đất như

giao đất không thu tiền sử dụng đất. Đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng số CR 211182, số vào sổ cấp giấy chứng nhận: CH 00130 ngày 11/3/2021 do UBND huyện Tuy Đức cấp cho ông Nguyễn Đức Thắng. Và tài sản gắn liền với đất.

Vậy, thông báo để ông Nguyễn Đức Thắng, bà Đỗ Thị Thi, ông Lê Minh Thành, bà Nguyễn Thị Diên được biết.

**Nơi nhận:**

- Dương sự;
- Công thông TTQG về đấu giá tài sản;
- Công thông TTĐT Tổng cục THADS;
- Trang TTĐT Cục THADS tỉnh Đắk Nông;
- Chi nhánh Công ty đấu giá hợp danh Dầu Khí Việt Nam tại tỉnh Đắk Nông;
- Ông Nguyễn Đức Thắng, bà Đỗ Thị Thi, ông Lê Minh Thành, bà Nguyễn Thị Diên;
- Lưu: VT, HSTHA.



**CHẤP HÀNH VIÊN**

**Phạm Ngọc Hải**



**BẢNG CHẤM ĐIỂM CÁC TỔ CHỨC ĐẤU GIÁ TÀI SẢN**  
(Theo Thông tư số 02/2022/TT-BTP ngày 08/02/2022 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp)



| TT         | NỘI DUNG   | MỨC TỐI ĐA | KẾT QUẢ CHẤM ĐIỂM CÁC TỔ CHỨC ĐẤU GIÁ                                 |          |          | GHI CHÚ |
|------------|--|------------|---|----------|----------|---------|
|            |  |            | Chi nhánh Công Ty Đấu giá hợp danh Đấu Khí Việt Nam tại tỉnh Đắk Nông | 2        | 3        |         |
| <b>I</b>   | <b>Cơ sở vật chất, trang thiết bị cần thiết bảo đảm cho việc đấu giá đối với loại tài sản đấu giá.</b>   | <b>23</b>  | <b>22</b>   |          |          |         |
| 1          | Cơ sở vật chất bảo đảm cho việc đấu giá.   | 11         | 11  | 0        | 0        |         |
| 1.1        | Có trụ sở ổn định, địa chỉ rõ ràng kèm theo thông tin liên hệ (số điện thoại, fax, địa chỉ thư điện tử...).  | 6          | 6   |          |          |         |
| 1.2        | Địa điểm bán, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá được bố trí ở vị trí công khai, thuận tiện.   | 5          | 5   |          |          |         |
| 2          | Trang thiết bị cần thiết bảo đảm cho việc đấu giá.   | 8          | 8   | 0        | 0        |         |
| 2.1        | Có máy in, máy vi tính, máy chiếu, thùng đựng phiếu trả giá bảo đảm an toàn, bao mật và các phương tiện khác bảo đảm cho việc đấu giá.   | 4          | 4   |          |          |         |
| 2.2        | Có hệ thống camera giám sát hoặc thiết bị ghi hình tại nơi bán, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá; nơi tổ chức cuộc đấu giá.  | 4          | 4   |          |          |         |
| 3          | Có Trang thông tin điện tử đang hoạt động.   | 2          | 2   |          |          |         |
| 4          | Đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt đủ điều kiện thực hiện hình thức đấu giá trực tuyến.   | 1          | 0   |          |          |         |
| 5          | Có nơi lưu trữ hồ sơ đấu giá.  | 1          | 1   |          |          |         |
| <b>II</b>  | <b>Phương án đấu giá khả thi, hiệu quả (Thuyết minh đầy đủ các nội dung trong phương án).</b>  | <b>22</b>  | <b>22</b>   | <b>0</b> | <b>0</b> |         |
| 1          | Phương án đấu giá đề xuất việc tổ chức đấu giá đúng quy định của pháp luật, bảo đảm tính công khai, minh bạch, khách quan.   | 4          | 4   |          |          |         |
| 2          | Phương án đấu giá đề xuất thời gian, địa điểm bán, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá, địa điểm tổ chức cuộc đấu giá, buổi công bố giá thuận lợi cho người tham gia đấu giá; hình thức đấu giá, bước giá, số vòng đấu giá có tính khả thi và hiệu quả  | 4          | 4   |          |          |         |
| 3          | Phương án đấu giá đề xuất cách thức bảo mật thông tin, chống thông đồng, đùm giá   | 4          | 4   |          |          |         |
| 4          | Phương án đấu giá đề xuất thêm các địa điểm, hình thức niêm yết, thông báo công khai khác nhằm tăng mức độ phổ biến thông tin đấu giá.   | 4          | 4   |          |          |         |
| 5          | Phương án đấu giá đề xuất giải pháp bảo đảm an toàn, an ninh trật tự cho việc tổ chức thực hiện đấu giá.   | 3          | 3   |          |          |         |
| 6          | Phương án đấu giá đề xuất các giải pháp giải quyết các tình huống phát sinh trong quá trình tổ chức thực hiện việc đấu giá.  | 3          | 3   |          |          |         |
| <b>III</b> | <b>Năng lực, kinh nghiệm và uy tín của tổ chức đấu giá tài sản.</b>  | <b>45</b>  | <b>32</b>   | <b>0</b> | <b>0</b> |         |
| 1          | Trong năm trước liền kề đã thực hiện hợp đồng dịch vụ đấu giá cùng loại tài sản với tài sản dự kiến đưa ra đấu giá (Tổ chức đấu giá tài sản liệt kê tất cả các cuộc đấu giá tài sản đã thực hiện. Người có tài sản không yêu cầu nộp bản chính hoặc bản sao hợp đồng) Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí 1.1, 1.2, 1.3, 1.4 hoặc 1.5.   | 6          | 6   | 0        | 0        |         |
| 1.1        | Dưới 03 hợp đồng (bao gồm trường hợp không thực hiện hợp đồng nào).  | 2          |   |          |          |         |
| 1.2        | Từ 03 hợp đồng đến dưới 10 hợp đồng.   | 3          |   |          |          |         |
| 1.3        | Từ 10 hợp đồng đến dưới 20 hợp đồng.   | 4          |   |          |          |         |
| 1.4        | Từ 20 hợp đồng đến dưới 30 hợp đồng.   | 5          |   |          |          |         |
| 1.5        | Từ 30 hợp đồng trở lên.  | 6          | 6   |          |          |         |
| 2          | Trong năm trước liền kề đã tổ chức đấu giá thành các cuộc đấu giá cùng loại tài sản với tài sản dự kiến đưa ra đấu giá có mức chênh lệch trung bình giữa giá trúng đấu giá so với giá khởi điểm (Tổ chức đấu giá tài sản liệt kê tất cả các cuộc đấu giá tài sản đã thực hiện. Người có tài sản không yêu cầu nộp bản chính hoặc bản sao hợp đồng). Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí 2.1, 2.2, 2.3, 2.4 hoặc 2.5. | 18         | 10  | 0        | 0        |         |
| 2.1        | Dưới 20% (bao gồm trường hợp không có chênh lệch).   | 10         | 10  |          |          |         |
| 2.2        | Từ 20% đến dưới 40%.   | 12         |   |          |          |         |
| 2.3        | Từ 40% đến dưới 70%.   | 14         |   |          |          |         |



|              |   |     |    |   |   |  |
|--------------|---|-----|----|---|---|--|
| 2.4          | Từ 70% đến dưới 100%.   | 16  |    |   |   |  |
| 2.5          | Từ 100% trở lên.  | 18  |    |   |   |  |
| 3            | Thời gian hoạt động trong lĩnh vực đấu giá tài sản tính từ thời điểm có Quyết định thành lập hoặc được cấp Giấy đăng ký hoạt động (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đối với doanh nghiệp đấu giá tài sản được thành lập trước ngày Luật Đấu giá tài sản có hiệu lực).   | 5   | 5  | 0 | 0 |  |
|              | Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí 3.1, 3.2 hoặc 3.3.  |     |    |   |   |  |
| 3.1          | Dưới 03 năm.  | 3   |    |   |   |  |
| 3.2          | Từ 03 năm đến dưới 05 năm.  | 4   |    |   |   |  |
| 3.3          | Từ 05 năm trở lên.  | 5   | 5  |   |   |  |
| 4            | Số lượng đấu giá viên của tổ chức đấu giá tài sản.  | 3   | 2  | 0 | 0 |  |
|              | Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí 4.1, 4.2 hoặc 4.3.  |     |    |   |   |  |
| 4.1          | 01 đấu giá viên.  | 1   |    |   |   |  |
| 4.2          | Từ 02 đến dưới 05 đấu giá viên.   | 2   | 2  |   |   |  |
| 4.3          | Từ 05 đấu giá viên trở lên.   | 3   |    |   |   |  |
| 5            | Kinh nghiệm hành nghề của đấu giá viên của tổ chức đấu giá tài sản (Tính từ thời điểm được cấp Thẻ đấu giá viên theo Nghị định số 05/2005/NĐ-CP ngày 18/01/2005 của Chính phủ về bán đấu giá tài sản hoặc đăng ký danh sách đấu giá viên tại Sở Tư pháp theo Nghị định số 17/2010/NĐ-CP ngày 04/3/2010 của Chính phủ về bán đấu giá tài sản hoặc Thẻ đấu giá viên theo Luật Đấu giá tài sản). | 4   | 4  | 0 | 0 |  |
|              | Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí 5.1, 5.2 hoặc 5.3.  |     |    |   |   |  |
| 5.1          | Không có đấu giá viên có thời gian hành nghề từ 03 năm trở lên.   | 2   |    |   |   |  |
| 5.2          | Từ 01 đến 02 đấu giá viên có thời gian hành nghề từ 03 năm trở lên.   | 3   |    |   |   |  |
| 5.3          | Từ 03 đấu giá viên trở lên có thời gian hành nghề từ 03 năm trở lên.  | 4   | 4  |   |   |  |
| 6            | Nộp thuế thu nhập doanh nghiệp hoặc đóng góp vào ngân sách Nhà nước trong năm trước liền kề, trừ thuế giá trị gia tăng.   | 5   | 2  | 0 | 0 |  |
|              | Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí 6.1, 6.2, 6.3 hoặc 6.4.   |     |    |   |   |  |
| 6.1          | Dưới 50 triệu đồng.   | 2   | 2  |   |   |  |
| 6.2          | Từ 50 triệu đồng đến dưới 100 triệu đồng.   | 3   |    |   |   |  |
| 6.3          | Từ 100 triệu đồng đến dưới 200 triệu đồng.  | 4   |    |   |   |  |
| 6.4          | Từ 200 triệu đồng trở lên.  | 5   |    |   |   |  |
| 7            | Đội ngũ nhân viên làm việc theo hợp đồng lao động.  | 3   | 3  | 0 | 0 |  |
|              | Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí 7.1 hoặc 7.2.   |     |    |   |   |  |
| 7.1          | Dưới 03 nhân viên (bao gồm trưởng hợp không có nhân viên nào).  | 2   |    |   |   |  |
| 7.2          | Từ 03 nhân viên trở lên.  | 3   | 3  |   |   |  |
| 8            | Có người tập sự hành nghề trong tổ chức đấu giá tài sản trong năm trước liền kề hoặc năm nộp hồ sơ đăng ký tham gia lựa chọn.   | 1   | 0  |   |   |  |
| IV           | Thù lao dịch vụ đấu giá, chi phí đấu giá tài sản phù hợp.   | 5   | 3  | 0 | 0 |  |
|              | Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí 1, 2 hoặc 3.  |     |    |   |   |  |
| 1            | Bằng mức thù lao dịch vụ đấu giá theo quy định của Bộ Tài chính.  | 3   | 3  |   |   |  |
| 2            | Giảm dưới 20% mức tối đa thù lao dịch vụ đấu giá (không áp dụng đối với mức thù lao phần trăm trên phần chênh lệch giá trị tài sản theo giá trúng đấu giá với giá khởi điểm theo quy định của Bộ Tài chính).  | 4   |    |   |   |  |
| 3            | Giảm từ 20% trở lên mức tối đa thù lao dịch vụ đấu giá (không áp dụng đối với mức thù lao phần trăm trên phần chênh lệch giá trị tài sản theo giá trúng đấu giá với giá khởi điểm theo quy định của Bộ Tài chính).  | 5   |    |   |   |  |
| V            | Tiêu chí khác phù hợp với tài sản đấu giá do người có tài sản đấu giá quyết định.   | 5   | 5  |   |   |  |
| Tổng số điểm |   | 100 | 84 |   |   |  |

Tuy Định, ngày 25 tháng 9 năm 2024

CHẤP HÀNH VIÊN



Phạm Ngọc Hải

\* Nơi nhận:

- Chỉ cục trưởng;

- Lưu: HSTHA.